TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9 /2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hộ
2. Ông Luân Văn Lý

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Tống Văn Tài - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/HNGĐ ST- QĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T - Sinh năm 1992; Dân tộc: Tày.

Cư trú tại: Xóm K, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Hà Sỹ Q - Sinh năm 1984; Dân tộc: Tày.

Cư trú tại: Tổ H, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Triệu Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Hà Sỹ Q kết hôn vào ngày 19/3/2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 10/9/2014 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, hai vợ chồng đều là lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T đi làm công nhân tại Bắc Ninh, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, con chung bị bệnh tan máu bẩm sinh nên khó khăn về kinh tế dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, bố mẹ hai bên tham gia hoà giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Chị Triệu Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Hà Như M, sinh ngày 01/12/2014. Trường hợp ly hôn, chị Triệu Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Triệu Thị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 22/7/2019 của bị đơn là anh Hà Sỹ Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Q nhất trí với ý kiến của chị T về điều kiện và thời gian kết hôn.

Anh Hà Sỹ Q xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không có công ăn việc làm ổn định, vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau, xô xát nhưng không gây thương tích, chị Triệu Thị T yêu cầu ly hôn, anh Q nhất trí.

- Về con chung: Anh Hà Sỹ Q xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Hà Như M, sinh ngày 01/12/2014. Trường hợp ly hôn, anh Q nhất trí cho chị Triệu Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Q sẽ có trách nhiệm đóng góp 500.000 đồng /tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Q xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 22/7/2019 anh Hà Sỹ Q thay đổi lời khai và cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu do anh Q không có công ăn việc làm ổn định, mải chơi, không tu chí làm ăn nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và yêu cầu được đoàn tụ, không nhất trí ly hôn. Lời khai trước đó tại tòa là do anh Q không được tỉnh táo nên đã nhất trí ly hôn; Về con chung: Nhất trí với yêu cầu của chị T trong trường hợp ly hôn chấp nhận cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại buổi hòa giải ngày 08/8/2019, anh Q giữ nguyên ý kiến không nhất trí ly hôn và yêu cầu đoàn tụ; Về con chung: anh Q yêu cầu là người trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh Q cho biết hiện anh đang là lao động tự do, bình quân thu nhập là 3.000.000 đồng/ tháng.

Tại phiên toà, anh Q xác nhận mâu thuẫn thực tế có xảy ra, tuy nhiên chưa đến mức xảy ra xô xát trầm trọng, anh Q xác định tình cảm vợ chồng không khắc phục được và cuộc sống gia đình không thể tiếp tục nên anh Q nhất trí ly hôn như yêu cầu của chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Triệu Thị T cung cấp cho Toà án Hợp đồng lao động số 9864 – HĐLĐ/SVN ngày 26/8/2019 ký kết giữa chị Triệu Thị T

và công ty Trách nhiệm hữu hạn S - Việt Nam và bảng thanh toán lương các tháng 1, 2, 5, 8 của chị Triệu Thị T, tương ứng mức lương dao động thực nhận từ trên 7.000.000 đồng/tháng đến 9.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, Toà án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của đương sự cho thấy: anh Hà Sỹ Q trước đó mắc tệ nạn xã hội và đang là đối tượng theo dõi của chính quyền địa phương; Bố mẹ đẻ của anh Q cũng xác nhận anh Q là nghiện hút và không có thu nhập ổn định, anh Q không có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy chị T và anh Q thực tế có mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 01/2019, thể hiện mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, tại phiên toà anh Q nhất trí ly hôn, do đó cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cho anh Q và chị T ly hôn. Về con chung: Hai bên đương sự đều yêu cầu là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng; Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy chị T có mức thu nhập ổn định và có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, còn anh Q có nhân thân xấu, cho nên để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt cho con chung cần giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Hai bên đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy không đặt ra vấn đề xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, lời khai của bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về mặt tố tụng: Chị Triệu Thị T viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Hà Sỹ Q, bị đơn trong vụ án là anh Hà Sỹ Q có nơi cư trú tại Tổ H, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

[2]Về hôn nhân: Triệu Thị T và anh Hà Sỹ Q kết hôn vào ngày 19/3/2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 10/9/2014 đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Hà Sỹ Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn:

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T cho rằng năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn

về kinh tế. Đồng thời, qua xác minh về tình trạng mâu thuẫn và tình hình thực tế cuộc sống của hai đương sự có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa hai bên có xảy ra, đến nay mâu thuẫn đó chưa được giải quyết, công việc của chị T làm việc thường xuyên tại Bắc Ninh, khi về quê chị T không về nhà chồng, điều đó thể hiện mức độ mâu thuẫn giữa hai bên, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Tình trạng hôn nhân của hai bên hiện nay đã đến mức trầm trọng, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm nhau, Chị T và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó, trong khi đó quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Tại phiên toà, hai bên đương sự cũng đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm và yêu cầu ly hôn. Do đó, cho chị T và anh Q ly hôn theo yêu cầu nguyên đơn, bị đơn cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]Về con chung: Các bên đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Hà Như M, sinh ngày 01/12/2014.

Hai bên đương sự đều yêu cầu nuôi con trong trường hợp ly hôn và đều không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ điều kiện, hoàn cảnh và qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đều thể hiện rằng chị T có có hợp đồng lao động, có thu nhập ổn định. Còn anhQtheo lời khai thu nhập được 3.000.000 đồng /tháng và không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Qua xác minh, đều thể hiện được rằng anh Q chưa đảm bảo về mọi mặt để là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, con chung của chị T, anh Q là con gái và đang sống cùng mẹ và bà ngoại, việc giao con chung cho chị T chăm sóc sẽ phù hợp, không làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, chị T đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đảm bảo kinh tế và sự phát triển về mọi mặt của con chung; Căn cứ vào điều kiện kinh tế của anh Q và ý kiến của chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5]Về tài sản chung: Chị T và anh Q đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6]Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T và anh Hà Sỹ Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Triệu Thị T và anh Hà Sỹ Q.

[2] Về con chung: Giao con chung tên là Hà Như M, sinh ngày 01/12/2014 (giới tính: nữ) cho chị Triệu Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0000480 ngày 28/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T, anh Hà Sỹ Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Lê Na